Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# BÀI 4: TỈ SỐ VÀ SỐ PHẦN TRĂM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Hiểu được khái niệm tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng

- Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng

- Phân biệt được tỉ số và phân số

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về tỉ số và tỉ số phần trăm

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Em có biết tỉ số độ cao trung bình của đáy vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) và vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) là bằng 2 hay không?

Tỉ số đó cho biết điều gì? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.



**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tỉ số của hai đại lượng**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu lớp thảo luận theo nhóm HĐKP1- Gv giới thiệu khung kiến thức- Phân tích ví dụ 1 để HS hiểu rõ cách kí hiệu tỉ số- HS thực hiện Thự hành 1 và Vận dụng 1**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | Hoạt động 1; Giải:a. Thời gian Mai làm lâu gấp số lần thời gian Lan làm là:45 : 30 = $\frac{3}{2}$ (lần)b. Đổi 1,3 kg = 1300 g. Vậy con cá của Dũng nặng gấp số lần con cá của Trí là :1300 : 900 = $\frac{13}{9}$ (lần)c. Đổi 50 cm = $\frac{1}{2}$ m. Đoạn AB dài gấp đoạn CD:$\frac{1}{2}$ : $\frac{3}{4}$ = $\frac{2}{3}$ (lần)Thực hành 1:Giải:a. $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{4}$ = 3$b$. $\frac{1}{2}$ : $\frac{2}{3}$ = $\frac{1}{3}$c. 400 : 340 = $\frac{40}{34}$d. $\frac{2}{5}$ : $\frac{3}{4}$ = $\frac{8}{15}$ |

**Hoạt động 2: Tỉ số phần trăm của hai đại lượng**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách tính tỉ số phần trăm của hai đại lượng

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu lớp thảo luận theo nhóm HĐKP2- Gv giới thiệu khung kiến thức- Phân tích ví dụ 1 để HS hiểu rõ cách tính tỉ số phần trăm của hai đại lượng- HS thực hiện Thực hành 2 và Vận dụng 2**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**Giải:a. $\frac{2}{5}$ = $\frac{40}{100}$$\frac{-3}{4}$ = $\frac{-75}{100}$$\frac{-1,3}{10}$ = $\frac{-13}{100}$b. Khối lượng nước trong cơ thể hùng là:40 . $\frac{70}{100}$ = 28 (kg)**Thực hành 2:**Giải:a. $\frac{3.100}{4}$ % = 75%b. $\frac{-2,66.100}{200}$ = -1,33%c. $\frac{\frac{1}{4} .100}{0,5} $= 50% |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Sĩ số lớp 6A1 là 32 học sinh, trong đó có số học sinh bơi là 24. Hãy tính tỉ số giữa số học sinh học bơi và sĩ số lớp **Câu 2:** Viết các số thập phân sau đây dưới dạng tỉ số phần trăm-0,72;                0,4;                     -2,23 | **Câu 1:**Tỉ số giữa số học sinh học bơi và sĩ số lớp là: 24 : 32 = $\frac{3}{4}$**Câu 2:** -0.72 = $\frac{-72}{100}$0,4 = $\frac{4}{10}$-2,23 = $\frac{-223}{100}$ |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 5, 6

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 5 :** Lớp 6A3 có tổng số 40 bạn, số học sinh giỏi là 8 bạn, học sinh khá là 20 bạn, học sinh trung bình là 10 bạn, còn lại là học sinh yếu kém. Tính tỉ số phần trăm học sinh giỏi, khá, trung bình, yếu kém của lớp.**Câu 6 :** Cứ 15 trang viết tay thì sau khi gõ vào máy vi tính đem in được 9 trang. Tính tỉ số phần trăm giữa số trang in và số trang viết tay | **Câu 5**:Tỉ số phần trăm học sinh giỏi của lớp là:$\frac{8 . 100}{40}$ *% = 20%*Tỉ số phần trăm học sinh khá của lớp là$\frac{20.100}{40}$ *% = 50%*Tỉ số phần trăm học sinh trung bình của lớp là$\frac{10.100}{40}\%$ *= 25%*Tỉ số phần trăm học sinh yếu kém của lớp là: 100 - 20 - 50 - 25 = 5%**Câu 6:** Tỉ số phần trăm giữa số trang in và số trang viết tay là:$\frac{9.100}{15}$*% = 60%* |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |   |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học  | Kiểm tra viết  | Thang đo, bảng kiểm  |   |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |   |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*